

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08-9-2022  
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Triệu Khánh Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

***- Bị đơn:*** Chị **Sơn Thị Thu L**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm Đ, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:***

Vào năm 2015, Anh và chị Sơn Thị Thu L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đến ngày 25/5/2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, anh và chị L chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến. Mâu thuẫn giữa anh với chị L

không ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay giữa anh và chị L đã sống ly thân với nhau.

Trong thời gian chung sống, anh với chị L có 01 người con chung tên: Nguyễn Thiên A (giới tính: Nam), sinh ngày 26/6/2016. Hiện cháu A đang sống cùng với anh.

Nay anh nhận thấy cuộc sống gia đình đã tan vỡ không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không thành, anh và chị L không còn yêu thương nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Sơn Thị Thu L.

- Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên A (giới tính: Nam), sinh ngày 26/6/2016 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu A). Về cấp dưỡng nuôi con thì anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Sơn Thị Thu L đã được Tòa án thông báo và triệu tập họp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L đều vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn đều vắng mặt các lần Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đều vắng mặt tại các lần mở phiên tòa xét xử. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Thành L được ly hôn với chị Sơn Thị Thu L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu: Nguyễn Thiên A (giới tính: Nam), sinh ngày 26/6/2016 cho Anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu A). Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm Đ, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Sơn Thị Thu L, tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Thành L đối với chị Sơn Thị Thu L, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của Anh L và chị L không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi cưới nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa Anh L với chị L phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hiện nay Anh L và chị L đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, Anh L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho Anh L được ly hôn với chị L.

[5] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thiên A (giới tính: Nam), sinh ngày 26/6/2016, hiện nay Anh L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Ân cho Anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu A và phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho chị L, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh L cho rằng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L được ly hôn với chị Sơn Thị Thu L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thành L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Nguyễn Thiên A (giới tính: Nam), sinh ngày 26/6/2016 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho chị L, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng Anh L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002219, ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, Anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Sơn Thị Thu L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND phường H, thị xã C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Văn Đua**